



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 19 vào ngày 4 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Chủ tịch
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên
	Ông Bạch Thăng Long	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Thân Đức Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Bạch Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Bích Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Thế Nhu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hà Mạnh	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Phúc Lợi, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00233-25-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3846-2022-007-1



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.906.946.392.325	2.053.577.580.947
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	145.038.432.451	230.798.952.399
Tiền	111		142.035.962.147	151.993.895.937
Các khoản tương đương tiền	112		3.002.470.304	78.805.056.462
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		395.081.475.960	408.391.753.426
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	395.081.475.960	408.391.753.426
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		556.699.540.345	544.728.283.282
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	619.876.252.435	610.623.399.890
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.828.404.856	30.347.083.064
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	16.745.780.276	12.769.511.997
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(110.750.897.222)	(109.011.711.669)
Hàng tồn kho	140	13	693.264.284.570	790.956.588.129
Hàng tồn kho	141		700.680.088.883	794.954.516.133
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.415.804.313)	(3.997.928.004)
Tài sản ngắn hạn khác	150		116.862.658.999	78.702.003.711
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.939.954.586	4.930.195.992
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		112.922.704.413	71.268.657.088
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	-	2.503.150.631

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		616.754.187.732	565.015.671.529
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.350.773.129	9.640.991.997
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	7.350.773.129	9.640.991.997
Tài sản cố định	220		551.824.246.929	434.081.062.335
Tài sản cố định hữu hình	221	14	550.309.859.604	433.015.812.558
Nguyên giá	222		1.879.589.868.181	1.727.214.046.101
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.329.280.008.577)	(1.294.198.233.543)
Tài sản cố định vô hình	227	15	1.514.387.325	1.065.249.777
Nguyên giá	228		16.991.763.483	16.291.763.483
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.477.376.158)	(15.226.513.706)
Tài sản dở dang dài hạn	240	16	11.834.707.863	76.485.875.449
Xây dựng cơ bản dở dang	242		11.834.707.863	76.485.875.449
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.500.552.116	4.500.552.116
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	4.500.552.116	4.500.552.116
Tài sản dài hạn khác	260		41.243.907.695	40.307.189.632
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	41.243.907.695	40.307.189.632
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.523.700.580.057	2.618.593.252.476

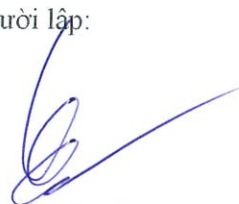
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.940.567.266.365	2.049.475.603.601
Nợ ngắn hạn	310		1.769.833.785.591	1.903.910.141.671
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	708.649.439.919	811.658.750.549
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	35.530.351.610	18.434.723.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	25.773.787.194	43.028.336.688
Phải trả người lao động	314		280.590.122.620	342.583.482.059
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.506.015.359	447.246.105
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.468.420.745	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	36.811.228.170	34.555.861.327
Vay ngắn hạn	320	22(a)	581.200.817.012	567.374.482.239
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	94.303.602.962	85.827.259.204
Nợ dài hạn	330		170.733.480.774	145.565.461.930
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	2.310.604.850	2.260.604.850
Vay dài hạn	338	22(b)	156.646.068.644	131.391.513.746
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	11.776.807.280	11.913.343.334
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		583.133.313.692	569.117.648.875
Vốn chủ sở hữu	410	25	583.133.313.692	569.117.648.875
Vốn cổ phần	411	26	317.510.000.000	317.510.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		317.510.000.000	317.510.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		5.382.400.000	5.382.400.000
Cổ phiếu quỹ	415		(2.440.000)	(2.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	180.973.841.321	146.281.319.147
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		79.269.512.371	99.946.369.728
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.759.489.767	824.877.802
- Lợi nhuận kỳ này/năm nay	421b		76.510.022.604	99.121.491.926
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.523.700.580.057	2.618.593.252.476

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	2.409.836.787.855	1.989.145.263.861
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	12.065.456	13.558.563.091
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	2.409.824.722.399	1.975.586.700.770
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	2.186.649.013.056	1.740.968.350.355
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		223.175.709.343	234.618.350.415
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	65.967.353.131	56.453.286.285
Chi phí tài chính	22	33	39.620.050.584	35.048.366.823
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.775.219.818	15.514.277.663
Chi phí bán hàng	25	34	104.607.088.513	73.642.109.871
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	57.676.080.444	117.600.615.539
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		87.239.842.933	64.780.544.467
Thu nhập khác	31	36	6.181.628.053	618.090.734
Chi phí khác	32		3.124.413.437	1.836.355.740
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.057.214.616	(1.218.265.006)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		90.297.057.549	63.562.279.461
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3838	13.787.034.945	16.591.216.696
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		76.510.022.604	46.971.062.765

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Thị Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Trần Thanh Bình
 Kế toán trưởng




 Thân Đức Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		90.297.057.549	63.562.279.461
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		47.050.942.144	41.288.388.348
Các khoản dự phòng	03		5.157.061.862	29.325.630.013
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.015.847.081	3.497.948.867
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(9.942.924.025)	(9.003.079.148)
Chi phí lãi vay	06		12.775.219.818	15.514.277.663
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		146.353.204.429	144.185.445.204
Biến động các khoản phải thu	09		(53.350.116.152)	(179.669.577.227)
Biến động hàng tồn kho	10		94.274.427.250	(157.704.052.567)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(146.153.987.967)	144.427.464.245
Biến động chi phí trả trước	12		1.852.428.821	5.128.703.012
			42.975.956.381	(43.632.017.333)
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.809.036.811)	(15.053.327.250)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(38.215.330.013)	(12.592.172.245)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.391.880.031)	(6.623.811.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.440.290.474)	(77.901.328.428)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(103.828.104.200)	(27.442.319.320)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		227.272.727	-
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(393.552.626.645)	(240.067.127.950)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		406.862.904.111	262.163.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		13.277.607.357	10.854.108.155
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.012.946.650)	5.507.660.885

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		627.703.461.975	633.101.820.983
Tiền trả nợ gốc vay	34		(589.883.539.597)	(567.824.110.793)
Tiền trả cổ tức	36		(31.716.908.378)	(47.054.137.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.103.014.000	18.223.572.880
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(85.350.223.124)	(54.170.094.663)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	230.798.952.399	151.023.731.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(410.296.824)	(128.304.176)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	145.038.432.451	96.725.332.713

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Người lập:


Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng
Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- đào tạo nghề;
- cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- xuất nhập khẩu trực tiếp;
- sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 5 chi nhánh hạch toán độc lập và 2 công ty con (1/1/2025: 5 chi nhánh hạch toán độc lập và 2 công ty con). Chi tiết về công ty con được trình bày tại Thuyết minh 9(b).

Các chi nhánh hạch toán độc lập của Tổng Công ty bao gồm:

- Khách sạn Garco Dragon
- Hệ thống siêu thị M10 Mart
- Trường Cao đẳng Nghề Long Biên
- Xí nghiệp May Hà Quảng
- Xí nghiệp May Bim Sơn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 6.905 nhân viên (1/1/2025: 7.003 nhân viên).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyên khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 9 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(ii) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản

Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng 36 tháng.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí bảo hiểm, chi phí thuê cửa hàng và các chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng từ 12 tháng đến 60 tháng.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, các cổ đông, Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Tổng Công ty không có thay đổi đáng kể nào khác trong cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	1.984.471.334	1.796.292.234
Tiền gửi ngân hàng	140.051.490.813	150.197.603.703
Các khoản tương đương tiền (*)	3.002.470.304	78.805.056.462
	145.038.432.451	230.798.952.399

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc từ 14 ngày đến 2 tháng và được hưởng lãi với lãi suất năm từ 1,5% đến 4,3% (1/1/2025: 1,6% đến 4,6%).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND hưởng lãi với lãi suất năm từ 3,9% đến 7,8% (1/1/2025: 3,9% đến 9%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 47.018 triệu VND (1/1/2025: không có) được thể chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)22(b)).

Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bằng với giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

(b) Đầu tư vào công ty con

30/6/2025 và 1/1/2025			
	% sở hữu và biểu quyết	Địa chỉ	
			Giá gốc VND
			Dự phòng VND
			Giá trị hợp lý VND

Công ty TNHH May Phú Đồng (*)	Hà Nội, Việt Nam	60,97%	1.097.321.861	-	(**)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	Hà Nội, Việt Nam	100%	3.403.230.255	-	(**)
			4.500.552.116	-	

(*) Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH May Phú Đồng đã họp và thống nhất chuẩn bị các hồ sơ thủ tục để giải thể công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, công ty con này đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

(**) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Li & Fung	155.924.561.251	175.817.025.753
Abercrombie & Fitch Trading Co	124.735.835.472	63.202.201.216
Lever Style Limited	45.623.843.266	76.301.645.172
Asmara International Limited	39.316.652.353	47.260.000.928
Các khách hàng khác	254.275.360.093	248.042.526.821
	619.876.252.435	610.623.399.890

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	5.305.792.560	5.732.686.632
<i>Công ty liên quan khác</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	187.345.258	5.774.282.026
	5.493.137.818	11.506.968.658

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (*)	351.836.641	351.836.641
Tạm ứng cho nhân viên	1.041.259.250	365.443.834
Lãi tiền gửi phải thu	7.374.261.048	8.569.358.534
Phải thu ngắn hạn khác	7.978.423.337	3.482.872.988
	16.745.780.276	12.769.511.997

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đặt cọc dài hạn	2.067.729.869	4.029.438.174
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (*)	1.037.753.447	1.389.590.088
Phải thu dài hạn khác	4.245.289.813	4.221.963.735
	7.350.773.129	9.640.991.997

(*) Đây là khoản bồi thường giải phóng mặt bằng trả thay cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa liên quan đến Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bim Sơn. Khoản này sẽ được bù trừ với tiền thuê đất trong tương lai.

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2025		Thời gian quá hạn	1/1/2025	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Li & Fung Guangdong Textiles Import & Export Co., Ltd.	Từ 1 năm đến 2 năm	155.924.561.251	(109.011.711.669)	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	113.141.398.675	(109.011.711.669)
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	7.626.301.054	(1.739.185.553)		-	-
		163.550.862.305	(110.750.897.222)		113.141.398.675	(109.011.711.669)
						4.129.687.006

13. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	37.740.669.766	-	47.925.384.635	-
Nguyên vật liệu	307.916.064.196	(2.047.140.852)	304.993.672.958	-
Công cụ và dụng cụ	581.624.757	-	293.541.628	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	103.009.336.340	-	109.914.018.198	-
Thành phẩm	237.470.895.709	(4.964.522.181)	261.621.333.445	(3.997.928.004)
Hàng hóa	12.783.685.106	(36.619.817)	15.437.281.546	-
Hàng gửi đi bán	1.177.813.009	(367.521.463)	54.769.283.723	-
	700.680.088.883	(7.415.804.313)	794.954.516.133	(3.997.928.004)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	VND	VND	VND	VND	VND
Tăng trong kỳ	526.092.990.454	948.477.913.472	60.799.362.221	191.843.779.954	1.727.214.046.101
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	37.607.794.529	-	360.560.240	37.968.354.769
Thanh lý	95.362.986.961	171.943.429	-	33.224.363.275	128.759.293.665
Xóa sổ	(10.516.024.218)	(242.129.338)	(1.933.693.937)	(700.976.319)	(13.392.823.812)
	(959.002.542)	-	-	-	(959.002.542)
Số dư cuối kỳ	609.980.950.655	986.015.522.092	58.865.668.284	224.727.727.150	1.879.589.868.181
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	295.979.243.854	807.511.852.967	47.873.884.091	142.833.252.631	1.294.198.233.543
Khấu hao trong kỳ	12.026.239.690	24.377.907.916	2.018.823.696	8.513.644.444	46.936.615.746
Thanh lý	(8.869.354.163)	(242.129.338)	(1.933.693.937)	(700.976.319)	(11.746.153.757)
Xóa sổ	(108.686.955)	-	-	-	(108.686.955)
Số dư cuối kỳ	299.027.442.426	831.647.631.545	47.959.013.850	150.645.920.756	1.329.280.008.577
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	230.113.746.600	140.966.060.505	12.925.478.130	49.010.527.323	433.015.812.558
Số dư cuối kỳ	310.953.508.229	154.367.890.547	10.906.654.434	74.081.806.394	550.309.859.604

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 1.005.892 triệu VND (1/1/2025: 993.127 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 261.680 triệu VND (1/1/2025: 229.602 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(b)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	13.903.765.835	2.387.997.648	16.291.763.483
Tăng trong kỳ	700.000.000	-	700.000.000
Số dư cuối kỳ	14.603.765.835	2.387.997.648	16.991.763.483
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	12.838.516.058	2.387.997.648	15.226.513.706
Khấu hao trong kỳ	250.862.452	-	250.862.452
Số dư cuối kỳ	13.089.378.510	2.387.997.648	15.477.376.158
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.065.249.777	-	1.065.249.777
Số dư cuối kỳ	1.514.387.325	-	1.514.387.325

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 14.892 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: 14.892 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2025	30/06/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	76.485.875.449	1.368.470.076
Tăng trong kỳ	64.568.132.180	5.563.171.280
Lãi vay vốn hóa	1.562.298.322	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(128.759.293.665)	(139.542.592)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.798.905.478)	-
Chuyển hạch toán chi phí	(223.398.945)	-
Số dư cuối kỳ	11.834.707.863	6.792.098.764

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự án đầu tư xây dựng mới xí nghiệp may Thái Hà tại Tỉnh Thái Bình	8.807.500.350	72.066.820.587
Dự án sửa chữa chi nhánh và cửa hàng số 95 Bạch Đằng	121.497.052	2.305.384.470
Dự án quy hoạch mặt bằng Tổng Công ty tại Hà Nội	727.134.260	727.134.260
Các dự án khác	2.178.576.201	1.386.536.132
	11.834.707.863	76.485.875.449

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	15.738.281.624	2.557.715.724	15.491.810.560	6.519.381.724	40.307.189.632
Tăng trong kỳ	9.680.163.397	-	3.992.894.651	73.438.000	13.746.496.048
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	425.835.000	-	1.373.070.478	-	1.798.905.478
Phân bổ trong kỳ	(4.831.183.657)	(57.049.422)	(4.920.830.639)	(4.799.619.745)	(14.608.683.463)
Số dư cuối kỳ	21.013.096.364	2.500.666.302	15.936.945.050	1.793.199.979	41.243.907.695

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Fu Yuan International Holdings Pte Limited	62.447.580.838	-
Topsun Garment Limited	58.222.401.425	202.384.876.404
Oktava Co., Ltd	56.824.578.038	59.221.597.660
Oemec Garment Manufacturing Co., Ltd	-	16.415.312.773
Các nhà cung cấp khác	531.154.879.618	533.636.963.712
	708.649.439.919	811.658.750.549

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH May Phù Đồng	1.097.321.861	1.097.321.861
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	2.599.898.446	1.446.171.193
<i>Công ty liên quan khác</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	129.600.000
	<u>3.697.220.307</u>	<u>2.673.093.054</u>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty con và công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – bên liên quan	9.084.595.167	-
Lever Style Limited	6.327.040.358	8.635.212.859
Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	5.241.372.000	-
Shinwoo Trading Co., Ltd	5.013.842.097	4.139.703.144
Direct Source (Far East) Limited	-	1.374.237.198
Các khách hàng khác	9.863.501.988	4.285.570.299
	<u>35.530.351.610</u>	<u>18.434.723.500</u>

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.468.942.153	15.241.874.363	(9.460.455.518)	8.250.360.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.600.680.044	13.787.034.945	(38.215.330.013)	13.172.384.976
Thuế thu nhập cá nhân	2.428.424.559	5.969.960.303	(7.910.167.465)	488.217.397
Thuế nhà thầu	330.036.002	436.299.695	(466.333.856)	300.001.841
Thuế xuất nhập khẩu	200.253.930	880.778.850	(752.437.842)	328.594.938
Thuế đất	(2.498.742.111)	6.272.565.554	(539.596.399)	3.234.227.044
Các loại thuế khác	(4.408.520)	52.992.257	(48.583.737)	-
	40.525.186.057	42.641.505.967	(57.392.904.830)	25.773.787.194
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu	(2.503.150.631)			-
Thuế phải nộp	43.028.336.688			25.773.787.194

21. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Kinh phí công đoàn	4.747.285.374	2.826.932.898
Cổ tức phải trả	16.454.023.893	544.798.273
Lãi vay phải trả	392.324.447	426.141.440
Tiền bồi thường nhận được cho việc di dời		
Xí nghiệp may Thái Hà (*)	10.841.741.444	28.898.769.856
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.375.853.012	1.859.218.860
	36.811.228.170	34.555.861.327

(*) Đây là kinh phí hỗ trợ để xây mới công trình kiến trúc, tài sản gắn liền với công trình kiến trúc, chi phí hỗ trợ di chuyển tài sản mà Tổng Công ty May 10 nhận từ Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình (từ 1/7/2025 là tỉnh Hưng Yên) cho việc thực hiện Đề án di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc địa bàn tỉnh để phát triển đô thị. Số tiền hỗ trợ sẽ được Tổng công ty May 10 quyết toán và hạch toán sau khi Dự án đầu tư xây dựng mới chi nhánh Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần - xí nghiệp may Thái Hà hoàn thành.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đặt cọc dài hạn	2.310.604.850	2.260.604.850

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025		Biến động trong kỳ		30/6/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND	
Vay ngắn hạn	509.409.424.711	571.222.378.313	(563.079.880.831)	539.967.293	518.091.889.486	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	57.965.057.528	31.947.528.764	(26.803.658.766)	-	63.108.927.526	
	567.374.482.239	603.169.907.077	(589.883.539.597)	539.967.293	581.200.817.012	

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn. Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2025		1/1/2025	
		VND		VND	
Khoản vay ngân hàng 1	VND	299.801.685.885		131.552.891.106	
Khoản vay ngân hàng 2	USD	113.186.304.788		149.154.928.073	
Khoản vay ngân hàng 3	USD	58.274.689.726		84.464.768.296	
Khoản vay ngân hàng 4	USD	46.829.209.087		64.292.887.206	
Khoản vay ngân hàng 5	VND	-		79.943.950.030	
		518.091.889.486		509.409.424.711	

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khoản vay ngân hàng 2 được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị là 47.018 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: không có) (Thuyết minh 9(a))

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Khoản vay ngân hàng 6	VND	2026 - 2028	95.146.342.785	117.582.001.551
Khoản vay ngân hàng 7	VND	2026 - 2029	121.336.653.385	69.207.569.723
Vay cá nhân	VND	2025 - 2030	3.272.000.000	2.567.000.000
			219.754.996.170	189.356.571.274
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(63.108.927.526)	(57.965.057.528)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			156.646.068.644	131.391.513.746

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 261.680 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: 229.602 triệu VND) (Thuyết minh 14).

Vay cá nhân thể hiện các khoản vay từ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty từ tiền thương phải trả hàng năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo với lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng vay cụ thể.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	85.827.259.204	69.367.220.809
Trích lập trong kỳ	14.868.223.789	15.444.000.000
Sử dụng trong kỳ	(6.391.880.031)	(6.623.811.600)
Số dư cuối kỳ	94.303.602.962	78.187.409.209

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.913.343.334	5.220.028.545
Khấu hao trong kỳ	(136.536.054)	(447.594.048)
Số dư cuối kỳ	11.776.807.280	4.772.434.497

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định là 916 triệu VND (1/1/2025: 1.052 triệu VND). Số quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa được sử dụng là 10.861 triệu VND (1/1/2025: 10.861 triệu VND).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	105.097.319.147	105.079.011.802	533.066.290.949
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	46.971.062.765	46.971.062.765
Phân bổ vào quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	41.184.000.000	(41.184.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(15.444.000.000)	(15.444.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(47.626.134.000)	(47.626.134.000)
Số dư tại ngày 30/06/2024	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	146.281.319.147	47.795.940.567	516.967.219.714
Số dư tại ngày 1/1/2025	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	146.281.319.147	99.946.369.728	569.117.648.875
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	76.510.022.604	76.510.022.604
Phân bổ vào quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	34.692.522.174	(34.692.522.174)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(14.868.223.789)	(14.868.223.789)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(47.626.133.998)	(47.626.133.998)
Số dư tại ngày 30/6/2025	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	180.973.841.321	79.269.512.371	583.133.313.692

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.751.000	317.510.000.000	31.751.000	317.510.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.751.000	317.510.000.000	31.751.000	317.510.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)	(244)	(2.440.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.750.756	317.507.560.000	31.750.756	317.507.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2025			1/1/2025		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	32,21	10.227.398	102.273.980.000	32,21
Các cổ đông khác	21.523.358	215.233.580.000	67,79	21.523.358	215.233.580.000	67,79
	31.750.756	317.507.560.000	100	31.750.756	317.507.560.000	100

27. Cổ tức

Ngày 31 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã phê duyệt quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2024 với số tiền là 47.626 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: 47.626 triệu VND).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 31 tháng 5 năm 2025, Tổng Công ty đã trích lập 34.693 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: 41.184 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2024 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị	30/6/2025	1/1/2025
Vải nhận gia công	Mét	425.386	410.797
Dụng nhận gia công	Mét	1.317.152	1.729.000
Vật tư, hàng hóa khác nhận gia công	Mét	95.934	163.921
		<u>1.838.472</u>	<u>2.303.718</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	4.304.736	111.449.614.004	2.708.966	68.404.088.093
Euro (“EUR”)	537	16.166.051	678	17.687.087
		<u>111.465.780.055</u>		<u>68.421.775.180</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	36.490.346.746	76.850.885.100
Đã được duyệt và ký kết hợp đồng	17.415.815.437	47.666.782.152
	<u>53.906.162.183</u>	<u>124.517.667.252</u>

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	26.141.530.752	26.381.389.240
Trong vòng hai đến năm năm	79.896.088.266	85.043.165.553
Sau năm năm	95.380.291.381	102.493.381.583
	201.417.910.399	213.917.936.376

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.188.874.576.447	1.817.821.966.666
▪ Cung cấp dịch vụ	20.439.516.359	15.811.119.532
▪ Dịch vụ gia công	200.522.695.049	155.512.177.663
	2.409.836.787.855	1.989.145.263.861
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(13.420.952.378)
▪ Hàng bán bị trả lại	(12.065.456)	(137.610.713)
	(12.065.456)	(13.558.563.091)
Doanh thu thuần	2.409.824.722.399	1.975.586.700.770

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	1.975.912.967.681	1.581.350.959.172
Dịch vụ đã cung ứng	10.566.988.166	6.072.798.561
Dịch vụ gia công	196.751.180.900	152.151.765.019
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.417.876.309	1.392.827.603
	2.186.649.013.056	1.740.968.350.355

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.082.509.871	8.716.505.074
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.844.069.648	47.138.651.711
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.063.404	16.279.327
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.710.208	581.850.173
	65.967.353.131	56.453.286.285

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.775.219.818	15.514.277.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.804.684.816	15.809.548.778
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.039.910.485	3.514.228.194
Chiết khấu thanh toán trả cho khách hàng	-	160.359.809
Chi phí tài chính khác	235.465	49.952.379
	39.620.050.584	35.048.366.823

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	38.766.416.919	20.078.302.373
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.803.347.158	2.724.323.285
Chi phí quảng cáo	3.499.032.199	2.768.340.505
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	6.528.876.577	6.013.251.117
Chi phí xuất khẩu	22.494.589.009	19.240.355.210
Chi phí thuê cửa hàng	9.946.674.776	8.322.861.192
Chi phí bán hàng khác	20.568.151.875	14.494.676.189
	104.607.088.513	73.642.109.871

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.430.939.009	53.900.557.925
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.867.145.642	5.276.616.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.430.842.588	15.567.640.206
Chi phí dự phòng	1.739.185.553	27.932.802.410
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.207.967.652	14.922.998.350
	57.676.080.444	117.600.615.539

36. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tiền hỗ trợ di dời tài sản nhà máy Thái Hà	5.451.517.021	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	286.574.074
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	318.400.428	29.642.000
Các khoản khác	411.710.604	301.874.660
	6.181.628.053	618.090.734

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.165.623.008.285	966.460.887.658
Chi phí nhân viên	520.951.017.333	494.262.695.025
Chi phí khấu hao và phân bổ	47.050.942.144	41.288.388.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.948.103.359	373.178.164.423
Chi phí khác	48.469.170.679	39.852.452.662

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	13.395.222.561	16.545.064.698
Dự phòng thiếu trong những năm trước	391.812.384	46.151.998
Chi phí thuế thu nhập	13.787.034.945	16.591.216.696

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.297.057.549	63.562.279.461
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.059.411.510	12.712.455.892
Chi phí không được khấu trừ thuế	67.044.115	5.784.244.806
Giảm thuế (*)	(4.672.444.445)	(1.951.636.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	391.812.384	46.151.998
Các khoản mục khác	(58.788.619)	-
	13.787.034.945	16.591.216.696

(*) Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.344.277.253	5.960.012.882
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.260.099.081	1.803.525.886
Bên liên quan khác		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Chia cổ tức	15.341.097.000	15.341.097.000
Bán hàng hóa	7.608.725.630	4.442.376.438
Mua dịch vụ	-	398.938.211
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa	2.526.852	-
<i>Công ty Cổ phần May Nam Định</i>		
Mua hàng hóa	1.133.091.666	-
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	670.000.000	650.000.000
<i>Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	1.005.128.620	992.146.875
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	4.449.703.190	4.305.081.710
<i>Thành viên Ban Kiểm soát</i>		
Thù lao và thưởng	342.688.150	335.454.870

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chuyển khoản phải trả nhân viên thành khoản vay dài hạn	803.000.000	764.000.000
Bù trừ khoản phải trả nhân viên với khoản vay dài hạn	82.000.000	-

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ (i) các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan; và (ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc